TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-3-2025
V/v "Tranh chấp
Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lương Thanh Văn
2. Ông Nguyễn Đức Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2024 về "Tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Trăng Thị T, sinh năm 1992 (có mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố Văn Xá, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện trú tại: Khu phố 1, tổ dân phố Nông Lâm, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** *Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1984 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Tổ dân phố Văn Xá, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28/10/2024, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trăng Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn S kết hôn ngày 15/12/2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bích Sơn (nay là phường Bích Động). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Kim Sơn, xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 8/2024 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, vợ chồng cãi vã nhau. Từ tháng 8/2024 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay, vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị xác định tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Đỗ Hoàng Bảo, sinh ngày 21/6/2012 và Đỗ Hoàng An, sinh ngày 09/8/2017. Hiện hai con chung đang ở với anh S tại tổ dân phố Văn Xá, phường Bích Động, thị xã Việt Yên. Ly hôn chị đề nghị giao con chung là cháu Đỗ Hoàng Bảo cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị giao con chung là cháu Đỗ Hoàng An cho chồng chị anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị đang làm công ty Youngone khu công Nghiệp Đình Trám, có thu nhập trung bình một tháng khoảng 10.000.000 đồng, đi làm giờ hành chính, được nghỉ chủ nhật, có chỗ ăn ở, đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho con chung học hành phát triển bình thường. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh S tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị Trăng Thị T có mặt trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài ra chị không có yêu cầu đề nghị gì khác.

* Đối với anh Đỗ Văn S là bị đơn trong vụ án tại bản tự khai, biên bản hòa giải có trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trăng Thị T kết hôn ngày 15/12/2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bích Sơn (nay là phường Bích Động). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Kim Sơn, xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 8/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau. Từ tháng 8/2024 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay, vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến ai, chị T sống tại nhà trọ ở tổ dân phố Nông Lâm, phường Bích Động. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh. Anh không đồng ý vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Đỗ Hoàng Bảo, sinh ngày 21/6/2012 và Đỗ Hoàng An, sinh ngày 09/8/2017. Hiện hai con chung đang ở với anh tại tổ dân phố Văn Xá, phường Bích Động, thị xã Việt Yên. Ly hôn anh đề nghị giao hai con chung là cháu Đỗ Hoàng Bảo và cháu Đỗ Hoàng An cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện anh đang làm đầu bếp nhà hàng Thắng Hương tại tổ dân phố Văn Xá, phường Bích Động, thị xã Việt Yên có thu nhập trung bình một tháng khoảng 10.000.000 đồng, có đi làm cả thứ 7 và chủ nhật, có chỗ ăn ở, đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho con chung học hành phát triển bình thường. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị T tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đỗ Văn S vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị T chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn anh S chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trăng Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn S.

Về con chung: Giao cho chị T nuôi dưỡng con chung là Đỗ Hoàng Bảo, sinh ngày 21/6/2012 và giao anh S nuôi dưỡng con chung là Đỗ Hoàng An, sinh ngày 09/8/2017. Vấn đề cấp dưỡng: Chị T, anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trăng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị T đã nộp đủ tại biên lai thu của Chi cục thi hành án thị xã Việt Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp ly hôn và con chung giữa chị T và anh S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh S có nơi cư trú: Tổ dân phố Văn Xá, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Trăng Thị T. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị T và anh S xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bích Động, thị xã Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh S có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm. Tại bản tự khai của chị T, anh S, anh chị xác định mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm đề nghị ly hôn với anh S, anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh S đều xác định có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau và vợ chồng ly thân nhau từ tháng 8/2024 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh S xác định tình cảm vẫn còn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị T, anh S hiện tại không còn ở với nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị T, anh S đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Hoàng Bảo, sinh ngày 21/6/2012 và Đỗ Hoàng An, sinh ngày 09/8/2017. Ly hôn chị T nhận nuôi dưỡng con chung là cháu Bảo và để anh S nuôi dưỡng con chung là cháu An, chị T, anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Chị T khai hiện chị đang làm công ty Youngone khu công Nghiệp Đình Trám, có thu nhập trung bình một tháng khoảng 10.000.000 đồng, đi làm giờ hành chính, được nghỉ chủ nhật, có chỗ ăn ở, đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho con chung học hành phát triển bình thường. Anh S khai hiện anh đang làm đầu bếp nhà hàng Thắng Hương tại tổ dân phố Văn Xá, phường Bích Động, thị xã Việt Yên có thu nhập trung bình một tháng khoảng 10.000.000 đồng, có đi làm cả thứ 7 và chủ nhật, có chỗ ăn ở, đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho con chung học hành phát triển bình thường. Ly hôn anh S nhận nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh S đều có thu nhập, có đủ điều kiện để chăm sóc con chung, đảm bảo quyền nuôi con và phát triển của cháu Bảo, cháu An. Tại biên bản lấy lời khai cháu Bảo có nguyện vọng ở với mẹ, cháu An có nguyện vọng ở với bố nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung của chị T và giao cháu Bảo cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu An cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Bảo, cháu An. Sau khi ly hôn, chị T, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T, anh S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị T, anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trăng Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Trăng Thị T nuôi dưỡng con chung là Đỗ Hoàng Bảo, sinh ngày 21/6/2012. Giao anh Đỗ Văn S nuôi dưỡng con chung là Đỗ Hoàng An, sinh ngày 09/8/2017. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Trăng Thị T, anh Đỗ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T, anh S thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Trăng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001318 ngày 14/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Xác nhận chị Trăng Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND phường Bích Động;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân